

Số: *18* /CVR

Phú Yên, ngày *27* tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình tài chính năm 2014

Kính gửi:

- UBND tỉnh Phú Yên
- Sở Tài chính Phú Yên.

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 V/v hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với DN do nhà nước làm chủ sở hữu và DN có vốn nhà nước;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại đơn vị;

Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động năm 2014 như sau:

1. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

1.1 Tình hình đầu tư mua sắm tài sản cố định trong năm 2014 (theo biểu 01- mẫu số 01).

-Đầu tư xây dựng nhà ăn, nhà nghỉ công nhân:

Bước vào năm 2014 để chủ động trong điều hành sản xuất kinh doanh, tránh trường hợp gây những phiền hà khách hàng của lực lượng công nhân thuê ngoài của Doanh nghiệp Trung Kiên, Công ty đã tuyển thêm 02 tổ công nhân cầu cảng số lượng 30 người, nên số lượng công nhân từ 50 người năm 2013 lên 80 người năm 2014, vì vậy Công ty đã xin chủ trương và được chấp thuận của UBND tỉnh đầu tư xây dựng mở rộng nhà ăn, nhà nghỉ cho công nhân để đáp ứng nhu cầu ăn nghỉ của lực lượng công nhân trong quá trình sản xuất. Tổng số tiền đầu tư xây dựng 305.292.183đ từ nguồn vốn doanh nghiệp.

-Mua 01 máy phát điện 20 Kw:

Do bước vào mùa nắng nóng, điện lực Phú Yên liên tục cắt điện làm khó khăn rất lớn đến việc xuất hàng trong kho cho khách hàng, giảm tiến độ xuất kho cũng như liên đới đến công tác giải phóng tàu ngoài cầu Cảng, dẫn đến ảnh hưởng mức độ hoàn thành kế hoạch SXKD. Trong năm công ty có quyết định mua 01 máy phát điện 20Kw để đáp ứng nhu cầu sản xuất liên tục kể cả khi Điện Lực cắt điện. Tổng số tiền mua máy phát điện là 60.000.000đ từ nguồn vốn doanh nghiệp.

Việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trên đã phát huy hiệu quả, năm 2014 Công ty đã đạt được sản lượng hàng hóa thông qua cảng 530.787,39 tấn so với kế hoạch 440.000 tấn.

Kiến nghị: Năm 2015 để đáp ứng nhu cầu phát triển và khai thác hết tiềm năng của Cảng Vũng Rô. Công ty đã trình UBND Tỉnh xin chủ trương đầu tư mở rộng kho và đã được chấp thuận sẽ tiến hành thực hiện đầu năm 2015.

Đề nghị UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương sửa chữa lớn cầu cảng với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 07 tỷ đồng và chủ trương đầu tư Khu neo chuyên tải Vũng Rô 50.000 DWT; mở rộng bến liên bờ.

1.2 Trong năm công ty không có huy động vốn và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

Trong năm Công ty không vay ngân hàng chỉ tập trung thu hồi vốn trả nợ ngân hàng và khách hàng.

1.3 Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, phải trả:

Phần tài sản: Bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình. TSCĐ hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, riêng bến liên bờ và công hợp thoát nước mưa công ty chưa tính trích khấu hao do không tham gia vào hoạt động SXKD và TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm/theo thời gian giao đất.

Trong năm Công ty tiến hành thanh lý 02 xe MAZ biên kiểm soát 78C-01973 và 78C-02141 dùng để trung chuyển hàng hóa, tuy nhiên hai xe này đã hết niên hạn sử dụng và không được cấp phép lưu hành, kết quả bán thanh lý như sau:

Tên tài sản thanh lý	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá bán thanh lý	Lãi (lỗ)
Xe 78C-01973	102.212.000	42.588.336	87.000.000	-4.080.000
Xe 78C-02141	116.380.000	48.491.664		
Cộng	218.592.000	91.080.000	87.000000	(4.080.000)

Phần công nợ phải thu: Tổng số nợ phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2014 là: 51.245.178.263 đ.

Trong đó nợ phải thu khó đòi: 50.431.864.682đ giảm so với năm 2013 380.852.019đ là do trong năm Công ty đã thu thập hoàn chỉnh hồ sơ các công nợ khó đòi lập hội đồng xử lý xuất theo dõi ngoài bảng theo đúng qui định Thông tư 228/2009/TT-BTC. Bao gồm các công nợ sau:

TT	Tên khách hàng nợ khó đòi xử lý xuất ngoài bảng	Số tiền nợ	Đã trích dự phòng khó đòi
1	CTCP nông sản Đỗ Gia	25.114.078	25.114.078
2	Cty TNHH Hưng Thịnh	32.026.995	32.026.995
3	CTCP TM Ngọc Khánh	11.584.960	11.584.960
4	DNTN DVVT & TM Quốc	312.125.986	312.125.986

Đản		
Cộng	380.852.019	380.852.019

Tình hình trích lập dự phòng khó đòi sau khi có kết luận của đoàn kiểm tra, giám sát tài chính năm 2013, Công ty đã tiến hành điều chỉnh quyết toán 2013 trích lập dự phòng 100% cho công nợ khó đòi Công ty Đại Lộc, trong năm Công ty tiếp tục trích dự phòng cho công nợ DNTN DVVT & TM Quốc Đản số tiền 93.637.796đ, đồng thời giảm dự phòng do xử lý các công nợ khó đòi nêu trên ra theo dõi ngoài bảng, đến 31/12/2014 số dự phòng: 50.431.864.682 đ. Bao gồm:

TT	Tên khách hàng	Nợ phải thu khó đòi	Đã trích dự phòng khó đòi
5	Cty TNHH SXTM Đại Lộc	49.954.996.739	49.954.996.739
6	Cty TNHH Nguồn tiếp vận Song Long	31.367.943	31.367.943
7	Cty TNHH SXTM Vinh Phát Đạt	445.500.000	445.500.000
	Cộng	50.431.864.682	50.431.864.682

Phân công nợ phải trả:

-Nợ phải trả khách hàng đến 31/12/2014 là: 5.030.690.422 đ. Trong đó nợ quá hạn: 4.910.875.276 đ là khoản nợ 02 khách hàng của chi nhánh Tp HCM (Hung Gia Nguyễn: 4.107.334.501đ và Liên An: 803.540.775đ).

-Nợ phải trả ngân hàng đến 31/12/2014: 28.913.995.256đ khoản nợ này đều quá hạn thanh toán do bị khách hàng Công ty Đại Lộc chiếm dụng vốn gây ra, hiện vụ án đang được các cơ quan tố tụng xem xét đưa ra xét xử đầu năm 2015.

Các khoản nợ phải trả quá hạn thanh toán cho khách hàng và ngân hàng phát sinh năm 2013, năm 2014 Công ty đã từng bước trả nợ theo đúng phương án trả nợ mà Công ty đã trình UBND Tỉnh phê duyệt, cụ thể trả nợ cho chủ nợ trong năm như sau:

TT	Tên chủ nợ	Nợ gốc đến 01/01/2014 (1.000 đ)	Đã trả đến 30/12/2014 (1.000 đ)	Còn nợ (1.000 đ)	Ghi chú
		37.939.988	4.115.120	33.824.868	
1	NH Công thương PY	11.859.644	1.662.500	10.197.144	
2	NH Đầu tư và PT PY	20.566.850	1.850.000	18.716.850	
3	Cty Hung Gia Nguyễn	4.607.334	500.000	4.107.334	
4	Cty Liên An	906.160	102.620	803.540	

$$\begin{aligned} \text{Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu} &= \text{Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu} \\ &= 39.649/21.505 \text{ triệu đồng} = 1,84. \end{aligned}$$

Hệ số >1 khả năng tài chính Công ty để thanh toán các khoản nợ thấp.

2. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn (Biểu 06-Mẫu 01).

Tình hình kinh doanh dịch vụ Cảng biển tại Vũng Rô ngày càng ổn định và phát triển, sản lượng hàng hóa thông qua Cảng ngày càng tăng, lợi nhuận trong năm đạt 4.786.436.663đ (theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán) khoản lợi nhuận này được bù vào lỗ năm trước.

Về sản lượng hàng hóa thông qua Cảng 530.787,39 tấn so với kế hoạch 440.000 tấn đạt 120%.

Hệ số bảo toàn vốn = Vốn CSH tại thời điểm báo cáo/Vốn CSH cuối kỳ trước liền kề = 21.505.670.140đ/16.719.233.477đ = 1,29.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn CSH (ROE)= lợi nhuận sau thuế /vốn CSH
=4.786.436.663đ/21.505.670.140đ = 22,2%.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (ROA)= lợi nhuận sau thuế /Tổng TS
=4.786.436.663đ/61.154.989.879đ = 7,8%.

Căn cứ kết quả các chỉ tiêu trên, trong năm Công ty đã bảo toàn, phát triển vốn và sử dụng vốn có hiệu quả.

3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2014 (Biểu 03-Mẫu 01).

1.1 Tình hình SXKD:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH ₀ 2014	Thực hiện	Tỉ lệ %	Ghi chú
110		Tấn	440.000	530.787	120	
2	Doanh thu :	Tr. đ	24.000	28.831	120	
	- Cảng	“	22.800	27.475	120	
	- Tàu lai Vũng Rô 01	“	1.200	1.356	113	
3	Lợi nhuận :	“		4.786		
4	Nộp ngân sách :	“	1.500	1.974	131	
	- Thuế GTGT	“	1.497	1.971	131	
	- Thuế môn bài	“	3	3	100	

Hoạt động khai thác dịch vụ Cảng biển nhu cầu tiềm năng rất lớn, xu hướng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng ngày càng tăng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của Tỉnh, nhu cầu lưu thông hàng hóa các tỉnh tây nguyên giáp ranh với Phú Yên, tuy nhiên với công suất thiết kế của Cảng chỉ 250.000 tấn/năm, thực tế khai thác hiện nay đã quá công suất thiết kế cho phép gấp 02 lần chưa đáp ứng nhu cầu hàng hóa muốn thông qua cảng, nhận định nếu được đầu tư về mở rộng cầu cảng, trang bị thêm máy móc thiết bị, tăng năng lực xếp dỡ thì sản lượng hàng hóa thông qua cảng hàng năm tăng từ 15-20%.

1.2 Tình hình tài chính:

Do phát sinh công nợ tại Chi nhánh Tp HCM trên 50 tỷ dẫn đến vốn công ty bị chiếm dụng, mất vốn, phát sinh nợ phải trả 02 khách hàng ở Tp HCM (5,5 tỷ) và nợ vay hai ngân hàng (32,4 tỷ) không có khả năng trả nợ. Tuy nhiên nếu thu hồi được công nợ của Công ty Đại Lộc (sau khi vụ án được xét xử), cùng với lợi nhuận hàng

năm hoạt động kinh doanh Cảng, Công ty có phương án trả nợ (được duyệt) thì vẫn duy trì, phát triển hoạt động của cảng, hàng năm trả nợ, tình hình tài chính Công ty ngày càng ổn định và lành mạnh.

Về tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Công ty đã tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế và hoàn thành đạt và vượt mức kế hoạch nhà nước giao.

Năm 2014 báo cáo tài chính của công ty đã được kiểm toán độc lập thực hiện về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trên đây là toàn bộ nội dung đánh giá tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô năm 2014 và các nội dung có liên quan. Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô kính báo cáo UBND tỉnh và các ngành chức năng quan tâm, giúp đỡ và tháo gỡ những khó khăn trong giai đoạn hiện nay, tạo điều kiện để Công ty tiếp tục ổn định phát triển và bền vững trong thời gian tới, hoàn thành tốt nhiệm vụ của Tỉnh giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT Kiểm GD Công ty; PGĐ;
- KSV Công ty;
- Lưu VT + KTTK (07b).

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Huỳnh Xuân Minh

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỀ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

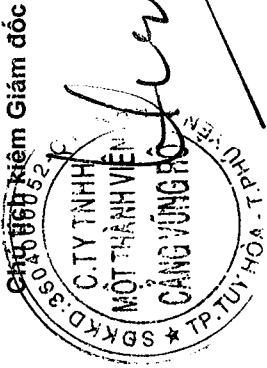
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư				Thời gian đầu tư theo kế hoạch hoặc	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 30/6/20.. hoặc 31/12/20.. (Triệu đồng)			Giải ngân đến ngày 30/6/20.. hoặc 31/12/20.. (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Tr.đ)							
			4	5	6	7		8	9	10	11	12	13	14	15	16		17	18	19				
																					Tổng tự có	Vốn huy động	%	Bên cho vay
A	Các dự án nhóm A																							
1																								
2																								
B	Các dự án nhóm B																							
1																								
2																								
C	Các dự án khác		365	365																				365
1	Mua 1 máy phát điện 20 KW		60	60																				60
2	XD nhà ở, nhà ăn công nhân		305	305																				305

GHI CHÚ: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền

Người lập

Nguyễn Thành Trí
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thành Trí



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Minh

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:			
	16.719	21.506	1,29
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.673	55.673	
2. Quỹ đầu tư phát triển	6.617	6.617	
3. Lợi nhuận chưa phân phối	(45.571)	(40.784)	
B. Tổng tài sản	58.356	61.155	
C. Lợi nhuận sau thuế	X	4.786	
D. Hiệu quả sử dụng vốn			2,9
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	X	22,3	X
Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	X	7,8	X

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của Công ty mẹ

Người lập biểu

Nguyễn Thành Trí
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thành Trí

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Huỳnh Xuân Minh
CHỦ TỊCH
Huỳnh Xuân Minh

Số KKĐ: 3604000123-CTNK
C. TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
CANG VŨNG RÔ
TP. TUY HÒA, T. PHƯỚC KH. TP. HỒ CHÍ MINH

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2012	Cùng kỳ năm 2013	Thực hiện năm X		Biên động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Cùng kỳ năm 2012	Cùng kỳ năm 2013	Kế hoạch năm
			[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng hàng hóa qua cảng(tấn)	399.874,65	482.788,61	440.000	530.787,39	1,3	1,1	1,2
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ	2.908	273		294	0,1	1,1	
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.640	30.220	24.000	28.831	0,3	1,0	1,2
2. Các khoản giảm trừ doanh thu							
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.640	30.220		28.831	0,3	1,0	
4. Giá vốn hàng bán	75.975	19.424		16.456	0,2	0,8	
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.665	10.796		12.375	1,6	1,1	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	8.623	479		489	0,1	1,0	
7. Chi phí tài chính	6.606	2.936			0,0	0,0	
8. Chi phí bán hàng							
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.053	53.911		8.093	1,1	0,2	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.629	-45.572		4.770	1,8	-0,1	
Thu nhập khác	450	2		110	0,2	55,0	
12. Chi phí khác	77			94	1,2	#DIV/0!	
13. Lợi nhuận khác	373	2		16	0,0	8,0	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.002	-45.570		4.786	1,6	-0,1	#DIV/0!
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	525				0,0	#DIV/0!	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	2.477	-45.570		4.786	1,9	-0,1	

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo.
Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính công ty mẹ.

Người lập biểu

(Chữ ký)
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thành Trí

Chủ tịch kiêm Giám đốc

(Chữ ký)
C. TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
CẢNG VÙNG BỜ
TP. TUY HÒA
PHỤ THUỘC
Huyện Xuân Minh